

Thứ năm, ngày 28 tháng 5 năm 2020

Vietnam Daily Review

Phiên tăng nhẹ

Tổng quan

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 29/5/2020		•	
Tuần 25/5-29/5/2020		•	
Tháng 5/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường vận động quanh ngưỡng 860 điểm trong cả phiên giao dịch ngày 28/05/2020. Khối ngoại đã mua ròng trở lại trên cả 2 sàn HSX và HNX. Điểm đáng chú ý trong phiên hôm nay là khối ngoại đang tập trung mua lại các cổ phiếu Blue chip như VCB, VHM, VRE sau chuỗi bán ròng dài hạn. Nếu xu hướng này tiếp tục có thể giúp thị trường củng cố lại ngưỡng hỗ trợ tại ngưỡng 860 điểm. Độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tiêu cực, biên độ thị trường thu hẹp và thanh khoản suy giảm báo hiệu tâm lý cẩn trọng đang chủ đạo các hoạt động giao dịch trên thị trường khi quan hệ giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ ngày càng trở nên căng thẳng. VN-Index quay có thể sẽ vận động tích lũy quanh ngưỡng hỗ trợ 860 điểm trước khi hình thành xu hướng rõ ràng hơn.

Hợp đồng tương lai: Đa số HĐTL tăng điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số trong phiên hôm nay, ngoại trừ VN30F2009. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 750 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 28/5/2020, chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về trạng thái trong khi đa số chứng quyền chìm trong sắc đỏ. Khối lượng giao dịch giảm mạnh so với phiên hôm trước.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ tức cao - Thanh khoản tốt_1.7%

Phân tích kỹ thuật: PDR_Xu hướng tăng (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+3.91** điểm, đóng cửa **861.39**. HNX-Index **+0.75** điểm, đóng cửa **109.64**.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+1.70)**; **BID (+1.04)**; **VRE (+0.93)**; **VHM (+0.29)**; **CTG (+0.16)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-0.60)**; **EIB (-0.11)**; **TCH (-0.10)**; **VNM (-0.10)**; **HVN(-0.08)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **4,498** tỷ đồng, giảm **-24.8%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 9.89 điểm, thu hẹp so với phiên trước. Thị trường có **151** mã tăng, **76** mã tham chiếu và **154** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **279.77** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VCB(103.54 tỷ)**, **VHM (86.80 tỷ)** và **VRE(44.54 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **2.23** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

857.48

Giá trị: 4498.65 tỷ

-11.65 (-1.34%)

Khối ngoại (ròng): 279.77 tỷ

HNX-INDEX

108.89

Giá trị: 703.08 tỷ

-1.6 (-1.45%)

Khối ngoại (ròng): 2.33 tỷ

UPCOM-INDEX

54.93

Giá trị: 0.22 tỷ

-0.4 (-0.72%)

Khối ngoại (ròng): -6.75 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá đầu	34.2	-0.41%
Giá vàng	1,708	-0.16%
Tỷ giá USD/VND	23,326	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	25,591	0.66%
Tỷ giá JPY/VND	21,663	-0.09%
LS liên NH 1 tháng	1.4%	5.22%
LS TPCP 5 năm	2.2%	0.27%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	103.5	HPG	-31.9
VHM	86.8	CRE	-11.4
VRE	44.5	HBC	-9.5
CTG	31.0	VJC	-9.2
POW	18.7	VCI	-8.5

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật Hiệu suất Danh mục i-Invest

BSC RESEARCH

Vietnam Daily Review

28/5/2020

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ tức cao - Thanh khoản tốt_1.7%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	7/24 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	1.7%	3.4%	8.9%	33.8%	4.0%	4.0%	15.6%
Bất động sản Khu công nghiệp	1.0%	7.2%	6.0%	6.0%	6.0%	6.0%	25.8%
BĐS & Khu công nghiệp	0.9%	2.4%	8.5%	26.8%	-12.0%	-12.0%	18.0%
Xây dựng	0.7%	4.2%	12.0%	39.2%	-4.5%	-4.5%	19.3%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.6%	0.2%	15.4%	34.1%	-7.2%	-7.2%	21.5%
FTSE Việt Nam	0.6%	0.6%	13.3%	28.0%	-8.5%	-8.5%	16.9%
Ngân Hàng	0.5%	1.2%	15.0%	32.2%	-4.9%	-4.9%	23.5%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.4%	0.8%	12.6%	29.9%	-8.7%	-8.7%	15.9%
VN FinSelect	0.3%	0.1%	15.6%	33.1%	-6.9%	-6.9%	20.1%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.3%	0.0%	13.3%	40.5%	-10.3%	-10.3%	21.2%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.3%	0.3%	10.4%	32.1%	-8.9%	-8.9%	17.8%
VN Diamond	0.1%	-0.4%	10.5%	33.9%	-11.8%	-11.8%	19.5%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.1%	0.3%	11.9%	31.1%	-13.4%	-13.4%	16.7%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.0%	-0.1%	9.8%	33.1%	-11.5%	-11.5%	19.5%
Hàng tiêu dùng	-0.1%	0.2%	10.0%	47.1%	-5.1%	-5.1%	19.4%
Nước & Năng lượng	-0.3%	1.4%	6.2%	29.0%	-8.5%	-8.5%	16.7%
Ngành Dược	-0.3%	0.1%	1.4%	17.2%	-6.2%	-6.2%	18.2%
Chiến tranh thương mại	-0.3%	2.7%	8.6%	42.0%	-10.0%	-10.0%	18.3%
Corona Avengers	-0.3%	2.3%	11.1%	48.2%	-2.3%	-2.3%	22.4%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.4%	2.0%	9.4%	36.8%	-7.2%	-7.2%	23.0%
Stay-at-home	-0.5%	0.5%	6.3%	37.5%	-0.3%	-0.3%	17.6%
Lãi suất giảm	-1.0%	1.6%	10.6%	42.5%	-6.0%	-6.0%	19.3%
Vật liệu Xây dựng	-1.1%	2.7%	11.9%	44.8%	-1.9%	-1.9%	20.6%
Dầu khí	-1.4%	1.2%	10.5%	41.6%	-23.5%	-23.5%	25.3%
Mục tiêu	1/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L32	0.6%	2.7%	14.2%	49.5%	-9.4%	-9.4%	20.9%
M22	0.4%	1.0%	14.1%	37.6%	-3.4%	-3.4%	18.9%
S11	0.3%	0.5%	9.5%	26.2%	-3.5%	-3.5%	18.9%
M12	0.3%	1.2%	12.9%	31.3%	-6.3%	-6.3%	19.9%
S32	0.3%	0.9%	11.6%	45.0%	-14.9%	-14.9%	22.3%
S21	0.2%	2.5%	11.4%	36.9%	-7.4%	-7.4%	20.0%
M31	0.0%	1.2%	11.4%	33.5%	-8.8%	-8.8%	21.1%
L22	-0.1%	1.8%	9.8%	39.6%	-8.5%	-8.5%	19.8%
L11	-0.1%	1.1%	8.1%	29.3%	-10.4%	-10.4%	17.6%
Khẩu vị Rủi ro	1/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	0.5%	2.5%	10.0%	38.9%	-1.0%	-1.0%	19.1%
LOW1	0.2%	1.9%	11.6%	27.9%	-5.6%	-5.6%	17.1%
MID1	-0.1%	0.6%	8.9%	35.9%	-2.1%	-2.1%	17.5%
INDEX							
VNINDEX	0.5%	1.0%	12.0%	30.0%	-10.4%	-10.4%	16.8%
VN30INDEX	0.3%	0.1%	12.4%	31.6%	-8.5%	-8.5%	17.4%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	24	7	17	12	12	7	17
Mục tiêu	9	1	8	6	3	3	6
Rủi ro	3	1	2	2	1	0	3

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

PDR_Xu hướng tăng

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng mua quá.

Nhận định: PDR đang nằm trong nhịp tăng giá khá mạnh sau khi tích lũy dài hạn tại vùng giá 22-23. Thanh khoản cổ phiếu tăng mạnh vượt ngưỡng trung bình 20 phiên và đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo MACD vẫn đang ủng hộ xu hướng tăng giá của cổ phiếu tuy nhiên chỉ báo RSI tiến vào vùng quá mua đang báo hiệu có thể xuất hiện 1 nhịp điều chỉnh ngắn hạn. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn đã hình thành. Như vậy PDR nhiều khả năng vận động tích lũy trong vùng giá 25-26 trong một hai phiên tới trước khi tạo đỉnh mới tại ngưỡng giá 29-30.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_ Tín hiệu tích cực

[Link](#)

GVR_ Tín hiệu tích cực

[Link](#)

PC1_Tăng giá

[Link](#)

CTI_Xu hướng tăng

[Link](#)

VNM_Hưng phấn

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 28/5

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	31.95	-2.62%	-4.60%	76.70%	-43.98%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	34.26	-1.38%	-5.00%	50.70%	-41.16%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	97.64	-1.70%	-6.50%	42.60%	-46.53%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1714.81	0.31%	-0.70%	0.40%	29.24%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.32	0.37%	1.30%	14.20%	17.49%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	850.00	0.18%	0.40%	1.60%	-8.87%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	505.00	0.10%	-1.70%	-3.80%	-4.76%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.85	-0.45%	0.80%	49.40%	7.47%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	142.80	-0.09%	#DIV/0!	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	10.80	-2.26%	-0.50%	10.10%	-19.16%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	102.50	-2.47%	-4.30%	-4.00%	-6.14%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	5259.50	-1.91%	-1.80%	1.90%	-10.60%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	489.18	0.60%	-1.90%	3.00%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1525.00	0.36%	2.20%	1.00%	-15.04%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	98.95	1.82%	-1.00%	14.70%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	56.20	-1.06%	-1.40%	9.70%	-27.58%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 7 giảm 1.65 USD tương đương 4,6% xuống 34,52 USD/thùng và dầu WTI của Mỹ cùng kỳ hạn giảm 1,54 USD tức 4,5% xuống 32,81 USD/thùng.
- Giá dầu giảm trong phiên vừa qua sau khi Tổng thống Mỹ Donald Trump cho biết ông thực hiện đáp trả mạnh mẽ với luật an ninh Trung Quốc đề xuất tại Hong Kong và một số thương nhân nghi ngờ cam kết cắt giảm sản lượng của Nga.
- Điện Kremlin cho biết Tổng thống Nga và Thái tử Saudi Arabia đã đồng ý trong một cuộc điện đàm về sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa theo thỏa thuận hạn chế sản lượng dầu mỏ. Tuy nhiên, nhiều người cảm thấy Nga đã gửi những tín hiệu trái chiều trong chưa đầy 2 tuần.

Giá vàng

- Hợp đồng thép thanh kỳ hạn tháng 10 trên sàn giao dịch Thượng Hải đóng cửa giảm 8 CNY (1,13 USD) xuống 3.494 CNY/tấn, giảm phiên thứ 4 liên tiếp, bởi lo ngại về tiêu thụ do mưa tại một số khu vực phía nam của nước này. Trong khi đó hợp đồng thép cuộn cán nóng cùng kỳ hạn tăng 6 CNY lên 3.419 CNY/tấn.

Giá sắt thép

- Vàng giao ngay giảm 0,1% xuống 1.709,5 USD/ounce, trước đó giá vàng đã giảm xuống 1.693,22 USD/ounce, thấp nhất kể từ ngày 12/5. Vàng kỳ hạn tháng 6 đóng cửa tăng 0,1% lên 1.707,9 USD/ounce.
- Trong phiên có lúc giá vàng giảm xuống mức thấp nhất trong 2 tuần do hy vọng nền kinh tế phục hồi nhanh chóng, mặc dù căng thẳng Mỹ - Trung Quốc về Hong Kong đã hạn chế giá giảm.

Giá cao su

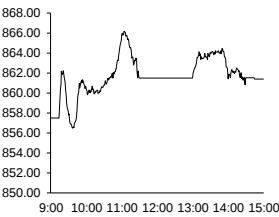
- Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 11 trên sàn giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM) đóng cửa giảm 0,6 JPY xuống 154,0 JPY (1,43 USD)/kg. Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 9 trên sàn giao dịch Thượng Hải giảm 20 CNY đóng cửa tại 10.250 CNY (1.432 USD)/tấn.
- Giá cao su tại Tokyo giảm trong phiên qua do lo lắng về căng thẳng Mỹ - Trung Quốc về Hong Kong.

Giá nông sản

- Đường thô kỳ hạn tháng 7 đóng cửa giảm giảm 0,25 US cent hay 2,3% xuống 10,8 US cent/lb. Các đại lý dự kiến giá đường tăng khi Mỹ, Châu Á và Châu Âu bắt đầu thấy một chút ánh sáng ở cuối đường hầm, nhưng lưu ý rủi ro liên quan tới Brazil.
- Cà phê arabica đóng cửa giảm 2,6 US cent tức 2,5% xuống 1,025 USD/lb, giá đã xuống mức thấp nhất kể từ giữa tháng 2/2020 vào ngày 22/5. Một số thương nhân lo lắng về nhu cầu arabica đang yếu đúng lúc Brazil dự kiến sản lượng gần kỷ lục trong niên vụ này.
- Đậu tương kỳ hạn tháng 7 trên sàn giao dịch Chicago (CBOT) đóng cửa tăng 1-1/2 US cent lên 8,48-1/2 USD/bushel. Hợp đồng này đã giảm từ mức đỉnh 2 tuần tại 8,51-1/4 USD do việc bán ra theo yếu tố kỹ thuật.

Hình 1

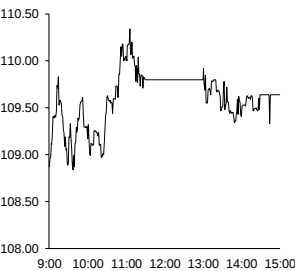
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

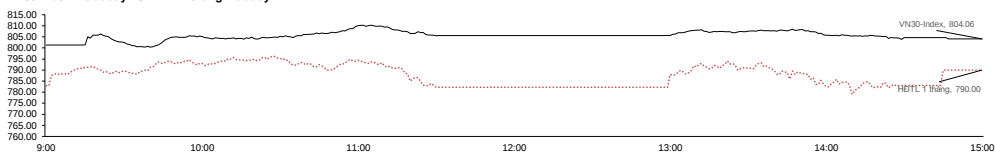
Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ô tô và phụ tùng	-2.06%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.96%
Dầu khí	-0.39%
Bảo hiểm	-0.31%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.30%
Bán lẻ	-0.28%
Y tế	-0.20%
Du lịch và Giải trí	-0.15%
Thực phẩm và đồ uống	-0.02%
Viễn thông	0.00%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.06%
Công nghệ Thông tin	0.09%
Xây dựng và Vật liệu	0.15%
Tài nguyên Cơ bản	0.23%
Truyền thông	0.46%
Dịch vụ tài chính	0.59%
Hóa chất	0.68%
Bất động sản	0.71%
Ngân hàng	1.29%

Nguồn: FiinPro

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 4 Hợp đồng tương lai							
CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đạo hạn	Số ngày*
VN30F2006	782.90	-3.27%	-18.46	14.8%	208,309	6/18/2020	24
VN30F2007	773.00	-3.37%	-28.36	-1.4%	759	7/16/2020	52
VN30F2009	762.10	-2.17%	-39.26	-28.5%	253	9/17/2020	115
VN30F2012	760.10	-2.55%	-41.26	136.1%	144	12/17/2020	206

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng 2.7 điểm lên mức 804.06 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VCB, VRE, STB, NVL và VPB tác động mạnh đến trạng thái tăng của VN30. Chỉ số VN30 tăng dần trong phiên sáng nhưng đã giảm dần trong phiên chiều nhưng vẫn giữ được sắc xanh vào cuối phiên. VN30 có thể sẽ trở lại chuỗi ngày tăng điểm trong những phiên tới.

• Đa số HDTL tăng điểm đồng thuận với xu hướng chung của chỉ số trong phiên hôm nay, ngoại trừ VN30F2009. Tất cả các hợp đồng đều tăng về khối lượng giao dịch nhưng lại giảm về vị thế mở. Điều này thể hiện rằng có một bộ phận khá đông nhà giao dịch đã đóng vị thế của mình trong phiên hôm nay. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 750 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đạo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CMSN2002	KIS	9/16/2020	112	4:1	500	-81.7%	4.0 triệu	33.48%	2,000	2,600	10.64%	1,193.70	2.18
CMSN2004	MBS	9/4/2020	100	5:1	99,370	-25.0%	1.5 triệu	33.48%	1,980	2,520	8.15%	1,879.90	1.34
CNVL2001	KIS	12/16/2020	203	4:1	97,360	-16.0%	2.0 triệu	16.64%	2,300	1,170	5.41%	63.20	18.51
CFPT2004	SSI	8/10/2020	75	1:1	42,830	4.8%	2.0 triệu	32.43%	5,100	9,750	1.67%	7,268.10	1.34
CFPT2003	SSI	11/9/2020	166	1:1	27,230	-6.4%	2.0 triệu	32.43%	7,300	12,290	1.15%	9,090.20	1.35
CVNM2003	MBS	9/4/2020	100	10:1	295,470	0.0%	3.0 triệu	29.90%	1,450	2,570	0.00%	2,284.10	1.13
CPNJ2004	MBS	8/18/2020	83	5:1	333,680	42.9%	2.5 triệu	35.03%	1,000	1,120	0.00%	567.90	1.97
CPNJ2002	VND	10/1/2020	127	2:1	59,740	140.9%	1.0 triệu	35.03%	2,400	4,310	-0.92%	1,640.80	2.63
CFPT2005	VND	7/1/2020	35	1:1	100,200	44.8%	1.0 triệu	32.43%	2,900	8,800	-1.01%	7,608.10	1.16
CTCB2004	MBS	8/18/2020	83	2:1	326,550	37.1%	2.0 triệu	35.65%	1,050	2,320	-2.93%	2,113.50	1.10
CHPG2005	VND	10/1/2020	127	1:1	128,450	190.8%	2.0 triệu	34.65%	2,100	9,160	-4.68%	8,572.90	1.07
CMBB2003	SSI	11/9/2020	166	1:1	58,530	46.3%	3.0 triệu	32.96%	2,000	2,210	-5.15%	1,387.60	1.59
CMBB2002	SSI	8/10/2020	75	1:1	173,760	139.4%	3.0 triệu	32.96%	1,300	1,350	-6.25%	797.00	1.69
CVPB2005	MBS	8/18/2020	83	2:1	256,900	-8.8%	2.0 triệu	42.13%	1,510	2,550	-10.84%	2,074.80	1.23
CMWG2005	VND	10/1/2020	127	2:1	629,680	613.7%	1.0 triệu	38.66%	2,500	6,310	-11.00%	2,704.60	2.33
CHPG2002	KIS	12/16/2020	203	2:1	434,730	460.0%	3.0 triệu	34.65%	1,700	1,880	-12.15%	1,018.10	1.85
CHPG2007	KIS	7/16/2020	50	1:1	40,210	4270.7%	2.5 triệu	34.65%	1,660	5,270	-13.61%	4,478.30	1.18
CSTB2003	KIS	9/16/2020	112	1:1	294,040	379.2%	3.0 triệu	38.12%	1,360	1,100	-16.67%	522.10	2.11
CHPG2004	SSI	6/15/2020	19	1:1	213,780	-35.1%	5.0 triệu	34.65%	2,800	4,080	-19.21%	3,776.70	1.08
CVPB2001	HSC	6/22/2020	26	2:1	207,840	297.2%	5.0 triệu	42.13%	1,500	1,690	-19.52%	1,587.60	1.06
Tổng:					3,820,850		50.50 triệu	34.10%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 28/5/2020, chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về trạng thái trong khi đa số chứng quyền chìm trong sắc đỏ. Khối lượng giao dịch giảm mạnh so với phiên hôm trước.

• Về giá, CVRE2004 và CVRE2003 tăng mạnh nhất lần lượt là 26.2% và 19.7%, ở chiều hướng ngược lại, CMWG2004 và CGMD2001 giảm mạnh nhất lần lượt là 34.8% và 33.3%. Thanh khoản thị trường giảm 30.64%. CHDB2001 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.45% thị trường.

• Hầu hết chứng quyền có giá thị trường cao hơn giá lý thuyết, trừ CHPG2004 và CVPB2003. CVNM2003 và CHPG2005 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh

vinhqa@bsc.com.vn

Bảng 2 Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
EIB	17.20	1.78	0.41
CTD	74.10	6.93	0.22
VCB	82.90	0.48	0.21
NVL	53.80	0.75	0.18
GAS	75.00	0.13	0.01

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3 Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	27.2	-4.23	-2.61
VPB	23.0	-4.76	-2.57
VNM	115.0	-2.21	-1.92
VHM	74.7	-2.23	-0.87
TCB	20.9	-1.18	-0.75

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	84.8	-2.0%	1.3	1,670	5.0	8,808	9.6	2.9	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	63.0	-1.9%	1.4	617	3.5	5,248	12.0	2.8	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	50.5	-2.9%	1.3	1,630	4.1	1,168	43.2	1.9	28.4%	4.7%
PVI	Bảo hiểm	30.8	0.3%	0.5	299	0.0	2,092	14.7	1.0	54.3%	7.0%
VIC	Bất động sản	96.9	0.0%	0.8	14,250	2.5	2,095	46.3	4.1	14.0%	10.6%
VRE	Bất động sản	25.5	-3.8%	1.1	2,519	8.1	1,226	20.8	2.2	30.7%	10.3%
NVL	Bất động sản	53.8	0.7%	0.8	2,268	2.4	3,584	15.0	2.3	5.9%	16.3%
REE	Bất động sản	31.6	-2.9%	0.8	425	1.3	4,976	6.3	1.0	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	11.2	-3.5%	1.4	252	2.3	2,289	4.9	0.8	39.6%	15.9%
SSI	Chứng khoán	14.9	-2.9%	1.3	389	5.3	1,415	10.5	0.8	50.5%	7.8%
VCI	Chứng khoán	23.0	-4.2%	1.0	164	0.8	4,240	5.4	0.9	29.7%	18.0%
HCM	Chứng khoán	18.8	-5.3%	1.8	250	3.4	1,480	12.7	1.3	53.7%	12.0%
FPT	Công nghệ	48.0	-1.6%	0.8	1,636	4.5	4,804	10.0	2.2	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	50.5	0.2%	0.4	546	0.0	4,812	10.5	2.7	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	75.0	0.1%	1.5	6,241	3.8	5,820	12.9	2.8	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	46.9	0.0%	1.5	2,428	2.0	869	54.0	3.0	13.3%	5.7%
PVS	Dầu khí	12.8	-1.5%	1.5	266	3.2	1,777	7.2	0.5	12.7%	7.1%
BSR	Dầu khí	6.4	0.0%	0.8	863	1.1	898	7.1	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	93.2	0.2%	0.5	530	0.2	5,046	18.5	3.5	54.4%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.9	-1.0%	0.5	254	3.5	1,006	14.8	0.7	12.3%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.4	-4.4%	0.5	194	0.7	415	20.3	0.7	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	82.9	0.5%	1.1	13,368	3.0	4,848	17.1	3.6	23.7%	22.8%
BID	Ngân hàng	39.8	-5.2%	1.4	6,960	4.2	2,140	18.6	2.1	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	22.4	-3.2%	1.2	3,626	8.4	2,510	8.9	1.1	29.6%	12.6%
VPB	Ngân hàng	23.0	-4.8%	1.2	2,438	8.2	3,750	6.1	1.3	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	17.3	-1.7%	1.1	1,814	8.3	3,398	5.1	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	22.8	-2.1%	1.0	1,648	6.5	3,780	6.0	1.3	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	48.4	-0.5%	0.9	172	0.3	5,303	9.1	1.5	80.1%	17.0%
NTP	Nhựa	34.9	0.3%	0.4	149	0.4	4,208	8.3	1.3	18.6%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.0	-0.7%	0.5	645	0.0	356	42.1	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	27.2	-4.2%	1.2	3,265	24.1	2,764	9.8	1.5	36.6%	17.4%
HSG	Thép	10.1	1.6%	1.6	194	7.3	1,491	6.7	0.7	15.9%	11.3%
VNM	Tiêu dùng	115.0	-2.2%	0.7	8,707	5.6	5,453	21.1	6.7	58.7%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	175.2	-0.1%	0.8	4,885	0.6	6,719	26.1	6.5	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	62.5	0.0%	1.0	3,176	6.1	3,961	15.8	1.7	39.3%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	15.0	-0.3%	0.8	381	1.6	171	87.6	1.2	5.9%	1.5%
ACV	Vận tải	59.9	0.0%	0.8	5,670	0.9	3,450	17.4	3.6	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	113.0	0.0%	1.1	2,574	2.5	7,110	15.9	4.0	18.5%	26.3%
HVN	Vận tải	28.0	2.4%	1.7	1,727	5.1	1,654	16.9	2.2	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	19.6	-2.7%	0.9	253	0.3	1,583	12.4	1.0	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	11.0	-1.3%	1.1	135	1.4	2,117	5.2	0.7	24.8%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	67.0	-3.0%	1.0	452	1.1	9,201	7.3	3.1	2.6%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.1	0.5%	0.8	371	0.4	1,453	13.1	1.3	9.9%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.7	0.0%	1.0	244	0.4	1,938	7.6	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	74.1	6.9%	1.1	246	3.8	8,032	9.2	0.7	46.5%	7.3%
VCG	Xây dựng	25.1	-0.4%	0.4	482	0.0	1,498	16.8	1.6	0.5%	10.0%
CII	Xây dựng	20.0	0.5%	0.4	208	1.3	1,775	11.3	0.9	44.6%	8.5%
POW	Điện	10.3	-2.8%	0.6	1,049	3.0	1,028	10.0	0.9	11.3%	9.4%
NT2	Điện	21.5	0.2%	0.5	268	0.6	2,543	8.4	1.4	17.8%	18.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	82.90	0.48	0.42	817770.00
HVN	28.00	2.38	0.26	4.18MLN
NVL	53.80	0.75	0.11	1.05MLN
CTD	74.10	6.93	0.11	1.20MLN
EIB	17.20	1.78	0.11	471440.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	-0.01	-2.53	2.29MLN	1.11MLN
VHM	0.00	-1.63	3.77MLN	607060.00
VNM	0.00	-1.30	1.11MLN	373600.00
HPG	0.00	-0.95	19.78MLN	192700.00
VPB	0.00	-0.81	7.92MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TAC	37.45	7.00	0.02	89840.00
TVB	10.70	7.00	0.01	1.92MLN
VAF	7.34	7.00	0.01	10.00
TNC	19.20	6.96	0.01	41040.00
QBS	2.16	6.93	0.00	327380.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
L10	14.00	-6.98	0.00	80.00
FRT	25.40	-6.96	-0.04	2.27MLN
QCG	7.37	-6.94	-0.04	677260.00
DHM	7.79	-6.93	-0.01	70290.00
DTL	9.68	-6.92	-0.01	350.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DGC	35.50	5.97	0.16	450200.00
NVB	8.20	2.50	0.08	2.89MLN
DL1	11.50	4.55	0.02	100.00
MBS	10.40	5.05	0.02	3.00MLN
VNR	18.90	3.28	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	22.80	-2.15	-0.81	6.39MLN
SHB	13.60	-2.86	-0.54	9.62MLN
VCS	67.00	-3.04	-0.07	367300.00
PVS	12.80	-1.54	-0.05	5.72MLN
SHS	9.00	-3.23	-0.05	2.25MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

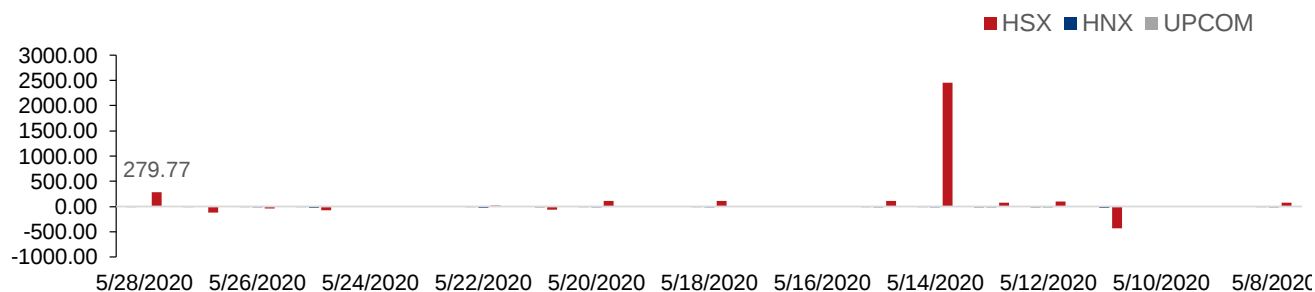
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BII	0.80	14.3	0.00	146100.00
HKB	0.80	14.3	0.00	137600.00
KVC	0.90	12.5	0.01	479800.00
D11	23.50	9.8	0.01	26800.00
PMS	17.00	9.7	0.01	12100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HGM	32.60	-11.65	-0.03	4500.00
MBG	6.30	-10.00	-0.03	2.32MLN
VSM	10.80	-10.00	0.00	100.00
GDW	31.90	-9.89	-0.01	300.00
V21	7.30	-9.88	-0.01	1900.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
3	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
5	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
7	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
8	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
11	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
12	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
13	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
17	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
19	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
20	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	63.0	5,248	12.0	2.8	Click
2	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	134.5	5,718	23.5	8.3	Click
3	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	11.2	2,289	4.9	0.8	Click
4	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	17.1	1,496	11.4	1.0	Click
5	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	27.5	7,637	3.6	1.3	Click
6	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	21.9	5,311	4.1	1.0	Click
7	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	26.7	4,465	6.0	1.2	Click
8	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	82.9	4,848	17.1	3.6	Click
9	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	22.8	3,780	6.0	1.3	Click
10	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	33.9	6,553	5.2	1.2	Click
11	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	49.0	3,887	12.6	2.5	Click
12	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	48.0	4,804	10.0	2.2	Click
13	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	19.6	1,583	12.4	1.0	Click
14	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	13.9	1,880	7.4	0.7	Click
15	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	175.2	6,719	26.1	6.5	Click
16	KDH	Bất động sản	Mua	11/3/2020	23.0	28.9	21.7	1,782	12.2	1.5	Click
17	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	115.0	5,453	21.1	6.7	Click
18	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	12.5	1,781	7.0	0.7	Click
19	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	84.8	8,808	9.6	2.9	Click
20	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	33.9	6,553	5.2	1.2	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HDTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express GVR 2020Q2	5/5/2020	Kế hoạch 2020. Doanh thu đạt 24.647 tỷ đồng (+7.76% yoy), LNTT đạt 4.961 tỷ đồng (+6.57%yoy) trong đó Tổng sản lượng khai thác từ 360.000 tấn trở lên, tăng 8,66% so với năm 2019; thu mua 73.000 tấn, sản lượng tiêu thụ kế hoạch 433.000 tấn, tăng 4,79% so với năm 2019. Lĩnh vực kinh doanh chiếm tỷ trọng doanh thu cao nhất là kinh doanh mỏ cao su bị sụt giảm mạnh do giá bán cao su vẫn còn rất thấp; khối sản phẩm gỗ và công nghiệp cao su đang chịu áp lực cạnh tranh; khối khu công nghiệp chưa có tín hiệu rõ ràng về cơ chế thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; đặc biệt là ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh Covid-19. Một số thông tin khác. Theo phê duyệt của tỉnh Đồng Nai, GVR sẽ chuyển nhượng khoảng 1.800 ha trong dự án thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ, tái định cư Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành trong khoảng trước tháng 10/2020, với giá đền bù 475 triệu đồng/ha (chưa bao gồm cây cao su). KQKD quý 1.2020. Doanh thu thuần đạt gần 121 tỷ đồng cao gấp 2,5 lần cùng kỳ đến chủ yếu từ 103 tỷ đồng doanh thu cho thuê khoảng 9ha đất KCN và phí quản lý khoảng và hơn 15 tỷ đồng doanh thu hoạt động khu dịch vụ thể dục thể thao, LNST đạt 53.6 tỷ đồng (gấp 2.89 lần cùng kỳ), lần lượt hoàn thành được 32% kế hoạch doanh thu và 47% kế hoạch LNST, biến LNG ổn định duy trì ở mức 53%.
Express SZC 2020Q2	5/5/2020	Kế hoạch 2020. Doanh thu 371 tỷ đồng, LNST 115.4 tỷ đồng trong đó (1) KCN: ký thuê 23ha, ký MOU 50ha, doanh thu cho thuê đất KCN, thuê nhà xưởng, phí quản lý và dịch vụ 282 tỷ, trong đó thuê đất KCN, nhà xưởng, phí quản lý khoảng 278 tỷ đồng. (2) BOT: dự kiến 64.5 tỷ đồng (3) Tư vấn giám sát: 3.5 tỷ đồng, sân golf 5.5 tỷ đồng (cho thuê sân tập) (4) BĐS dân dụng: 5 tỷ.
Express HPG 2020Q2	4/28/2020	Kế hoạch kinh doanh: Tổng doanh thu đạt 6,200 tỷ (-20%yoy), LNST đạt 433 tỷ (-48%yoy). Dự kiến chia cổ tức 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% vào quý 3. Kết quả Q1/2020: Doanh thu đạt 1,600 tỷ (-14%yoy), lợi nhuận sau thuế đạt 114.6 tỷ (-34.5%yoy). Nguyên nhân đến từ (1) sản lượng vận tải dầu thô và dầu sản phẩm từ Dung Quất và Nghi Sơn giảm do cầu yếu, tồn kho nhiều và (2) giá dầu giảm mạnh => giá cước tàu dầu thô chạy nội địa giảm để hỗ trợ các nhà máy lọc dầu. Với giả định (1) giá dầu trung bình năm 2020 ở mức 48.5\$/thùng (-24%yoy) và (2) nhà máy lọc dầu Dung Quất và Nghi Sơn hoạt động ở mức công suất 90%, BSC ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế của PVT lần lượt đạt 6,860 tỷ (-11%yoy) và 632 tỷ (-23%yoy). Với giả định (1) giá dầu trung bình năm 2020 ở mức 48.5\$/thùng (-24%yoy – tương đương 50% mức giảm từ trường hợp xấu nhất) và (2) nhà máy lọc dầu Dung Quất và Nghi Sơn hoạt động ở mức công suất 90%, BSC ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế của PVT lần lượt đạt 6,860 tỷ (-11%yoy) và 632 tỷ (-23%yoy).
Express PVT 2020Q2	4/27/2020	Trong trường hợp xấu nhất, nhu cầu dầu thấp khiến giá dầu ở mức 33\$/thùng và Dung Quất cùng Nghi Sơn chỉ hoạt động với công suất 70%, chúng tôi ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế cả năm của PVT đạt 6.1 nghìn tỷ (-20%yoy) và LNST đạt 493 tỷ (-39%yoy – không tính thanh lý tàu) – tương đương điều chỉnh giảm 13.5% và 42% so với dự phóng đầu năm. Chúng tôi sẽ tiến hành đánh giá lại khi có số liệu đầy đủ và chính xác hơn. Kế hoạch kinh doanh: Tổng doanh thu đạt 6,200 tỷ (-20%yoy), LNST đạt 433 tỷ (-48%yoy). Dự kiến chia cổ tức 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% vào quý 3.
Express DGC 2020Q2	21/4/2020	Kế hoạch kinh doanh năm 2020 DGC đặt kế hoạch doanh thu 6,085 tỷ (+19.5% YoY) và lợi nhuận sau thuế 600 tỷ (+4.9% YoY). Kết quả kinh doanh Quý 1 DGC ghi nhận doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 1,520 tỷ (+30.6% YoY) và 199.5 tỷ (+66.3% YoY). Biên lợi nhuận gộp đạt 20.1%, tăng mạnh từ mức 16.9% cùng kỳ. Công ty cho biết trong quý 1 năm 2020 sản lượng tăng 30.1% (chủ yếu ở sản phẩm phốt pho và phân bón), như vậy, giá bán bình quân tiếp tục đi ngang. Việc biên lợi nhuận gộp tăng mạnh BSC cho rằng nhờ giảm chi phí đầu vào: Giá than cốc (chiếm ~10% COGS) giảm 10.3% YoY. DGC cho biết việc vận chuyển hàng hóa vẫn diễn ra bình thường trong quý 1 năm 2020. Thuế xuất khẩu mặt hàng Phốt pho Bộ Tài chính quyết định giữ nguyên mức thuế xuất khẩu với Phốt pho vàng là 5% sau khi tỉnh Lào Cai đề xuất tăng lên mức 20%.



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chép hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn

Cộng Trại

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyễn

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn